**Phụ lục 1: Tiêu chí đánh giá và xếp loại**

1. **Tiêu chí đánh giá:**

Hội đồng chấm đề tài căn cứ vào các nội dung đánh giá và thang điểm tối đa để chấm như sau:

| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài** | **15** |
| 1.1 | Tổng quan các vấn đề nghiên cứu trong và ngoài nước (0-5đ)  |  |
| 1.2 | Có phân tích, đánh giá và chỉ ra những tồn tại chưa được giải quyết (0-5đ)  |  |
| 1.3 | Nêu được lý do lựa chọn đề tài (0-5đ)  |  |
| **2** | **Ý tưởng của đề tài và cách tiếp cận**  | **15** |
| 2.1 | Ý tưởng của đề tài: Có tính mới về khoa học, có ý nghĩa về thực tiễn ứng dụng ... (0-10đ) |  |
| 2.2 | Cách tiếp cận: Có tính khoa học, tính sáng tạo ... (0-5đ)  |  |
| **3** | **Mục tiêu đề tài**  | **10** |
| 3.1 | Tính rõ ràng, cụ thể ... (0-5d)  |  |
| 3.2 | Phù hợp với tên và nội dung nghiên cứu của đề tài (0-5đ)  |  |
| **4** | **Phương pháp nghiên cứu**  | **10** |
| 4.1 | Tính đầy đủ, phù hợp với nội dung nghiên cứu (0-5đ)  |  |
| 4.2 | Tính rõ ràng, đúng đắn, hiện đại của các phương pháp nghiên cứu được sử dụng (0-5đ)  |  |
| **5** | **Kết quả nghiên cứu**  | **40** |
| 5.1 | Kết quả nghiên cứu so với các nội dung nghiên cứu thực hiện (0-10đ) |  |
| 5.2 | Bàn luận, phân tích ý nghĩa của các kết quả nghiên cứu phục vụ mục tiêu đề tài (0-15đ) |  |
| 5.3 | Sự hoàn chỉnh trong kết quả nghiên cứu để giải quyết mục tiêu đặt ra (0-10đ) |  |
| 5.4 | Khả năng vận dụng kết quả của đề tài trong nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn, ưu tiên đề tài đã được triển khai ứng dụng trong thực tiễn (0-5đ) |  |
| **6** | **Hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài** | **5** |
| 6.1 | Bố cục, logic hợp lý…(0-1đ) |  |
| 6.2 | Nội dung đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của một báo cáo tổng kết đề tài (0-2đ) |  |
| 6.3 | Trình bày sạch đẹp, ít lỗi chế bản (0-2đ) |  |
| **7** | **Công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài của đề tài trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước**, lấy (\*) hoặc (\*\*) (\*) Đã công bố bài báo (0-5đ);(\*\*) Trường hợp có giấy xác nhận đăng (0-4d)  | **5** |
| **TỔNG ĐIỂM** | **100** |

1. **Xếp loại:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mức điểm** | **Xếp loại** | **Khen thưởng** | **Định mức khen thưởng****(đồng/đề tài)** |
| 1 | ≥ 80 | Xuất sắc | Giải Nhất | 500,000 |
| 2 | 75-80 | Giỏi | Giải Nhì | 400,000 |
| 3 | 70-75 | Khá | Giải Ba | 300,000 |
| 4 | 60-70 | Đạt | Giải Khuyến khích | 200,000 |
| 5 | 50-60 | Đạt | - |

***Ghi chú:*** Đề tài được xếp loại theo điểm trung bình của các thành viên trong hội đồng, đề tài không được xét giải nếu sinh viên không hoàn thành và nộp báo cáo, biên bản chỉnh sửa hợp lệ theo kết luận trong biên bản của hội đồng xét duyệt.